

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông,
thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét-
Ký sinh trùng- Côn trùng đến hết cầu 2 qua sông Hà Thanh)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3804/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh);

Căn cứ Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh);

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Thiết kế BVTC và dự toán dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh);

Căn cứ Thông báo số 459/TB-KV III ngày 06/12/2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định (nay là Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai);

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Dự án:

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh);

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 27/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết cầu số 2 qua

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 131TTr-STC ngày 19/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh);

- Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phê duyệt TK BVTC- Dự toán: Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Chủ đầu tư: Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

- Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai).

- Thời gian khởi công - hoàn thành: Năm 2019 - 2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán
Tổng cộng chi phí		120.609.366.000	113.724.758.000
I	Chi phí bồi thường, GPMB	30.837.891.000	29.319.242.000
1	Chi phí bồi thường, GPMB	26.197.874.000	24.930.549.000
2	Chi phục vụ GPMB	560.195.000	560.195.000
3	HM di dời đường ống nước sinh hoạt	1.571.415.000	1.524.974.000
-	Chi phí xây lắp	1.445.046.000	1.418.656.000
-	Quản lý dự án	34.452.000	34.452.000
-	Chi phí tư vấn đầu tư	77.019.000	70.320.000
+	<i>Khảo sát, lập thiết kế BVTC - DT</i>	<i>36.502.000</i>	<i>35.765.000</i>
+	<i>Giám sát</i>	<i>35.195.000</i>	<i>34.555.000</i>

+	<i>Lập HSMT và đánh giá HSDT xây dựng</i>	5.322.000	
-	Chi khác	13.516.891	1.546.000
+	<i>Phí bảo hiểm xây lắp</i>	4.114.794	
+	<i>Phí thẩm định TKBCTC-DT</i>	3.092.330	1.546.000
+	<i>Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu</i>	1.000.000	
+	<i>Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu</i>	1.000.000	
+	<i>Chi phí thẩm định HSMT</i>	1.000.000	
+	<i>Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán</i>	3.309.767	
-	Dự phòng chi	1.381.303	
4	HM di dời hệ thống điện	2.508.407.000	2.303.524.000
-	Chi phí xây lắp	2.140.780.000	2.140.774.000
-	Chi phí quản lý dự án	54.274.000	54.273.000
-	Chi phí tư vấn đầu tư	169.381.000	104.820.000
+	<i>Khảo sát, lập thiết kế BVTC - DT</i>	73.217.000	44.300.000
+	<i>Giám sát</i>	75.099.000	60.520.000
+	<i>Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán</i>	2.377.000	
+	<i>Chi phí lập HSMT</i>	4.262.000	
+	<i>Chi phí đánh giá HSDT xây dựng</i>	5.209.000	
+	<i>Chi phí thí nghiệm</i>	9.217.000	
-	Chi phí khác	24.525.000	3.657.000
+	<i>Phí thẩm định TKBCTC-DT</i>	3.662.000	3.657.000
+	<i>Phí bảo hiểm công trình</i>	7.362.000	
+	<i>Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu</i>	2.673.000	
+	<i>Chi phí kiểm toán</i>	4.487.000	
+	<i>Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán</i>	6.341.000	
-	Dự phòng chi	119.447.000	
II	Chi phí xây dựng	74.689.714.000	77.510.003.000
1	Cầu số 2	35.671.025.599	35.620.485.000
2	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước nhỏ	37.480.599.695	41.889.518.000
3	Điện chiếu sáng	823.754.773	
4	Đường công vụ tạm	484.395.000	

5	Thực hiện kiến nghị của KTNN	-688.933.000	
6	Gia cố, đường bờ kè	918.872.000	
III	Chi phí quản lý dự án	1.410.904.000	1.410.903.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng công trình	4.887.327.000	4.388.905.000
1	Chi phí khảo sát bước lập BC NCKT	79.730.000	529.031.000
2	Chi phí khảo sát bước lập BC NCKT điều chỉnh bổ sung	73.333.000	
3	Chi phí lập BC NCKT điều chỉnh	42.153.564	
4	Chi phí lập BC NCKT	340.147.000	
5	Chi phí khảo sát bước TK BVTC -DT	695.338.000	1.621.154.000
6	Chi phí lập TK BVTC-DT	822.860.000	
7	Chi phí lập TK BVTC-DT phần bổ sung	136.535.000	
8	Chi phí thiết kế BVTC điều chỉnh, bổ sung	110.825.894	
9	Chi phí liên quan đến khảo sát XD bước lập BC NCKT điều chỉnh, bổ sung	8.478.000	
10	Chi phí lựa chọn nhà thầu TV TK BVTC-DT		
-	Lập HSMT-ĐG HSĐT	2.919.730	2.918.000
-	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	2.000.000	2.000.000
-	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	330.000
11	Chi phí thẩm tra TK BVTC-DT	38.123.000	74.047.000
12	Chi phí thẩm tra dự toán	35.924.000	
13	Chi phí TV lập KH bảo vệ môi trường	100.000.000	87.821.000
14	Chi phí LCNT thi công xây lắp		
-	Thẩm định HSMT- ĐG HSĐT	100.000.000	100.000.000
-	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	59.106.152	59.105.000
-	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	330.000
-	Chi phí LCNT thi công xây lắp phần bổ sung		
-	Thẩm định HSMT- ĐG HSĐT	18.130.136	18.130.000
-	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	9.065.068	9.065.000
-	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	330.000

15	Chi phí giám sát thi công	1.455.790.430	1.464.705.000
16	Chi phí giám sát thi công phần bổ sung	208.237.897	0
17	Chi phí LCNT TV giám sát		
-	Lập HSMT- -ĐG HSDT	2.646.892	2.646.000
-	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	2.000.000	2.000.000
-	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	330.000
18	Chi phí nghiệm thu đối chứng, kiểm định chất lượng CT	509.526.650	
19	Lập HSMT-ĐG HSDT	2.000.000	
20	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	2.000.000	410.963.000
21	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	
22	Chi phí nghiệm thu đối chứng, kiểm định chất lượng CT phần bổ sung	24.475.683	
23	Chi phí LCNT TV Kiểm toán độc lập		
-	Lập HSMT-ĐG HSDT	2.000.000	2.000.000
-	Thẩm định HSMT-KQ LCNT	2.000.000	2.000.000
-	Đăng tải thông tin đấu thầu	330.000	
V	Chi phí khác	4.576.537.000	1.095.705.000
1	Chi phí hạng mục chung	2.497.859.628	
2	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	491.092.000	461.660.000
3	Chi phí cắm cọc GPMB	122.169.000	122.169.000
4	Phí thẩm định dự án	15.263.600	15.260.000
5	Bảo hiểm công trình	182.046.948	178.079.000
6	Bảo hiểm công trình bổ sung	27.412.765	
7	Chi phí thẩm định TK BVTC-DT	68.673.868	65.827.000
8	Chi phí thẩm tra phê duyệt QT	426.872.727	252.710.000
9	Chi phí kiểm toán độc lập	718.143.000	
10	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	13.581.395	
12	Chi phí đảm bảo giao thông	13.422.278	
VI	Dự phòng chi	4.206.993.000	

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng cộng chi phí	120.609.366	113.724.758	107.933.421	5.791.337	
Vốn đầu tư công			107.933.421		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			113.724.758	113.724.758
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			113.724.758	113.724.758

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản, trong đó:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	113.724.758.000	
I. Đã thanh toán vốn đầu tư công NST: Đầu tư tập trung; Cấp quyền sử dụng đất; Tiền cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các Khu TĐC; Nguồn thoái vốn nhà nước tại các DNNN	107.933.421.000	
II. Còn thanh toán tiếp	5.791.337.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (12/12/2024) là:

- Tổng nợ phải thu : Không.
- Tổng nợ phải trả : 5.791.337.000 đồng, bao gồm:

Tổng số	5.791.337.000	Đơn vị thụ hưởng
1. Chi phí phục vụ GPMB	220.609.000	Ban QLDA CCT Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai

2. Chi phí xây dựng	5.057.449.000	
	1.115.315.000	Công ty CP Xây dựng công trình 510
	3.942.134.000	Công ty TNHH XD Tấn Thành
3. Chi phí tư vấn đầu tư	260.569.000	
Tư vấn giám sát	64.796.000	Công ty TNHH XD Tổng hợp An Thịnh
	185.133.000	Công ty TNHH Tư vấn Hội Cầu đường
	10.640.000	Công ty TNHH Tư vấn Hội Cầu đường
4. Chi phí khác: Chi phí thẩm tra quyết toán	252.710.000	Sở Tài chính Gia Lai

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản
Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1. UBND thành phố Quy Nhơn (nay là UBND phường Quy Nhơn Bắc)	109.896.260.000	
2. Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định	1.524.974.000	
3. Công ty Điện lực Bình Định (nay là Công ty điện lực Gia Lai)	2.303.524.000	

(* *Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh có trách nhiệm bàn giao cho các đơn vị tiếp nhận tài sản theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 182/UBND-KT ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh.*

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Ban QLDA Giao thông và Dân dụng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV, Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định, Giám đốc Công ty điện lực Gia Lai, Chủ tịch UBND phường Quy Nhơn Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP XD;
- Lưu: VT, X2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng